

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HSST
Ngày 19/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vĩnh
2. Ông Nguyễn Hữu Hiền

Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thuận Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà:

Ông Phạm Thanh Tùng - Kiểm sát viên

Ngày 19/5/2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Tuấn N**, tên gọi khác: không; sinh ngày 09/12/1986.

Nơi sinh và nơi cư trú: Số nhà A11, khu tập thể s, ngõ 3, đường C, tổ 45, phường Q, thành phố T, tỉnh T.

Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 11/12.

Con ông: Bùi Quang T - sinh năm 1954.

Con bà: Lê Thị M - sinh năm 1954.

Vợ: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1986

Con: Có 2 con sinh năm 2015 và 2017.

Tiền án: 1 tiền án. Bản án số 97/2014/HSST ngày 19/6/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt N 2 năm 6 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, phạt tiền 5.000.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. N chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/6/2016. N đã nộp tiền án phí 200.000 đồng và nộp được 1.065.000 đồng tiền phạt ngày 17/10/2014, còn phải nộp số tiền phạt 3.935.000 đồng đến nay chưa nộp.

Tiền sự: 1 tiền sự. Năm 2018, N đi cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 07 ngày 19/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình thời hạn 1 năm 9 tháng đã chấp hành xong ngày 27/10/2019.

Nhân thân: Năm 2009 và năm 2011 N bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung Tâm chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội theo Quyết định số 308 ngày 06/3/2009 và Quyết định số 739 ngày 23/3/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình do nghiện ma túy.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 11/02/2020 đến ngày 17/02/2020 chuyển tạm giam, hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Bùi Quang T, sinh năm 1954

Địa chỉ: Số nhà A11, khu tập thể s, ngõ 3, đường C, tổ 45, phường Q, thành phố T, tỉnh T.

*** Người chứng kiến:**

1. Ông Tô Văn Ng, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T

2. Anh Dương Ngọc H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 2, phường B, thành phố T, tỉnh T

(Tại phiên tòa có mặt ông T, vắng mặt ông Ng, anh H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Tuấn N là người sử dụng ma túy, loại hêrôin. N nghe một số người sử dụng ma túy (không biết cụ thể là ai) nói tại khu vực chân cầu V thuộc địa phận xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình có người bán ma túy nên khoảng 12 giờ 30 phút ngày 11/02/2020, N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17F3-2120 từ nhà ở phường Q, thành phố T đến khu vực trên để tìm mua ma túy về sử dụng. Khi đến khu vực chân cầu V, N thấy một người đàn ông khoảng 40 tuổi, cao khoảng 1,6 mét, dáng người gầy đang đứng trên cầu (không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể), N lại gần và hỏi: “có hêrôin không bán cho tôi 2.000.000 đồng”. Người đàn ông trên hiểu ý N muốn hỏi mua ma túy nên đồng ý không nói gì, nhận của N 2.000.000 đồng và đưa lại cho N một túi nilon trong suốt có mép cài viền màu đỏ bên trong có ma túy. N cầm túi ma túy mua được cho vào túi áo bên trái đang mặc để đi về nhà. Khi N điều khiển xe đi trên Quốc lộ 39A thuộc địa phận thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình thì dừng xe lại để đi vệ sinh. Nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình đã yêu cầu kiểm tra người N. Trước sự

chứng kiến của chính quyền địa phương, người chứng kiến, N đã tự nguyện lấy từ túi áo khoác bên trái N đang mặc giao nộp một túi nilon trong suốt có mép cài viền màu đỏ bên trong có chất bột màu trắng dạng cục, N khai nhận đó là hêrôin mua về để sử dụng. Kiểm tra người N, quản lý tại túi quần sau bên trái số tiền 500.000 đồng, kiểm tra xe mô tô biển kiểm soát 17F3-2120 không quản lý, thu giữ gì. Lực lượng Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu.

Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Bình tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Tuấn N tại Số nhà A11, khu tập thể s, ngõ 3, đường C, tổ 45, phường Q, thành phố T, tỉnh T không quản lý thu giữ gì.

Tại bản kết luận giám định số 49/KLGD-PC09 ngày 12/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu vật thu của Bùi Tuấn N gửi giám định là ma túy, loại heroine (hêrôin), có khối lượng là 3,6300 gam.

Bản cáo trạng số 38/CT - VKSDH ngày 21/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Bùi Tuấn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Bị cáo Bùi Tuấn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Bùi Tuấn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Tuấn N từ 04 năm tù đến 04 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung. Về vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ số Hêrôin thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định; trả bị cáo 500.000 đồng.

Ngoài ra còn đề nghị án phí.

Bị cáo Bùi Tuấn N nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa như:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang.
- Biên bản niêm phong vật chứng.
- Bản kết luận giám định số 49/KLGD-PC09 ngày 12/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.
- Lời khai của những người chứng kiến: ông Tô Văn Ng; anh Dương Ngọc H.

Có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Bùi Tuấn N có hành vi tàng trữ trái phép 3,6300 gam (Ba phẩy, sáu nghìn ba trăm gam) heroin với mục đích để sử dụng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3] Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy. Là người nghiện ma túy, bị cáo biết rõ tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người và cộng đồng xã hội, nhưng để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, bị cáo đã tàng trữ 3,6300 gam heroin để sử dụng. Vì vậy cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Về tình tiết tăng nặng: bị cáo có 1 tiền án chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo có 01 tiền sự bị đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc và có nhân thân không tốt 02 lần bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung Tâm chữa bệnh - Giáo

dục - Lao động xã hội do nghiện ma túy. Về tình tiết giảm nhẹ bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bố đẻ bị cáo là thương binh nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, phạm tội không có mục đích vụ lợi, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng:

- Số ma túy thu giữ của bị cáo N còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy.
- Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 17F3-2120 quản lý của N khi bắt quả tang, qua tra cứu xe không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng, số khung số máy không bị tẩy xóa, sửa chữa, đục lại. Qua điều tra xác minh, xác định xe trên là của ông Bùi Quang T (là bố đẻ của bị cáo N). Việc N sử dụng xe đi mua ma túy, ông T không biết, Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho ông T là phù hợp.

- Đối với số tiền 500.000 đồng quản lý của N, qua điều tra xác minh là tiền N sử dụng để chi tiêu cá nhân, không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại bị cáo.

[7] Về nguồn gốc ma túy và người bán ma túy:

- Về nguồn gốc ma túy N khai mua của một người đàn ông khoảng 40 tuổi, cao khoảng 1,6 mét, dáng người gầy ở khu vực cầu V thuộc địa phận xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình nhưng không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể. Do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh xử lý.

Về nguồn gốc số tiền 2.000.000 đồng N khai dùng để mua ma túy là do lao động mà có.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Tuấn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng: Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Tuấn N 04 năm tù (bốn năm tù), thời hạn tù tính từ ngày 11/02/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ 3,2560 gam (ba phẩy hai nghìn năm trăm sáu mươi gam) Hêrôin thu giữ của bị cáo Bùi Tuấn N còn lại sau giám định được đựng trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 49/KLGĐ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

- Trả bị cáo Bùi Tuấn N 500.000 đồng.

(Được thể hiện chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2020 giữa Công an huyện Đông Hưng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng)

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Bùi Tuấn N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp Thái Bình;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- THADS huyện Đông Hưng;
- Công an huyện Đông Hưng;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thị Lan Phương

